

Bản án số: **49/2022/DS-ST**  
Ngày: 22-9-2022  
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự  
góp hụi

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Hoàng Môn

2. Bà Sử Thị Huyền Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLST-DS ngày 31/3/2022 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thu S** (Cà N), sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VL 1, xã TT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị **Trần Thị NY**, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp VL 1, xã TT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/5/2022) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Đỗ Thanh D** sinh năm 1977 (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lưu Minh K**, sinh năm 1974 (vắng mặt nhưng có đơn xin vắng)

Địa chỉ: khu phố VL 2, thị trấn VT, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2022; biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2022; biên bản hòa giải các ngày 17/5/2022, 04/8/2022 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị **Trần Thị NY** trình bày:*

Năm 2019, 2020 bà Đỗ Thanh D có tham gia góp hội do bà S làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội 5.000.000 đồng, áp ngày 15/8/2019 âm lịch, hội 36 phần, mỗi tháng mở hai lần vào ngày 15, 30 hàng tháng, hội có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 2.500.000 đồng), bà D tham gia 01 phần và có góp hội sống được 02 lần, đến lần thứ 03 thì lĩnh hội. Sau khi lĩnh hội thì bà D có góp hội chết được 12 lần thì không góp nữa. Do đó dây hội này bà D còn nợ lại 21 lần hội chết x 5.000.000đ/lần = 105.000.0000 đồng. Dây hội này đã mãn ngày 30/01/2021 âm lịch (do năm 2020 có nhuận 01 tháng).

- Dây hội 2.000.000 đồng, áp ngày 10/5/2019 âm lịch, hội 30 phần, mỗi tháng mở một lần vào ngày 10 hàng tháng, hội có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 1.000.000 đồng), bà D tham gia 01 phần và có góp hội sống được 03 lần, đến lần thứ 04 thì lĩnh hội. Sau khi lĩnh hội thì bà D có góp hội chết được 07 lần thì không góp nữa. Do đó dây hội này bà D còn nợ lại 19 lần hội chết x 2.000.000đ/lần = 38.000.0000 đồng. Dây hội này đã mãn ngày 10/10/2021 âm lịch (do năm 2020 có nhuận 01 tháng).

Ngoài ra bà S có tham gia dùm bà D 03 phần hội 200.000 đồng của 03 dây hội áp cùng ngày 01/4/2020 âm lịch, hội tuần (07 ngày mở một lần), hội có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 100.000 đồng), mỗi dây đều có 31 phần. Bỏ hội 50.000 đồng nên hót đầu hết cả 03 phần của 03 dây được số tiền 13.200.000 đồng (đã trừ cò 300.000 đồng/03 dây). Số tiền này bà S không giao cho bà D đồng nào mà để lại đóng hội chết của 02 dây hội trên. Dây hội này bà D có trả được 3.200.000 đồng nên còn nợ lại 10.000.000 đồng. Các dây hội này hiện nay đã mãn.

Hội 5.000.000 đồng, 2.000.000 đồng đều có ghi sổ hội và có lập danh sách hội giao cho các hội viên. Sổ hội thì bà S đang quản lý, đối với giấy hội thì khi tham gia đã giao cho các hội viên (riêng của bà S do lúc bị bệnh nên đã xé bỏ). 02 dây hội này bà D có viết biên nhận đề ngày 21/9/2020 (DL).

Tổng cộng các dây hội bà D còn nợ là 153.000.000 đồng.

Bà Đỗ Thanh D có chồng tên Lưu Minh K, sinh năm 1975. Trước đây khởi

kiện chỉ yêu cầu bà Đỗ Thanh D trả số tiền hụi còn thiếu nhưng nay yêu cầu ông Lưu Minh K cùng bà Đỗ Thanh D phải trả cho số tiền hụi còn thiếu là 153.000.000 đồng. Trong đó: Dây hụi 5.000.000 đồng là 105.000.000 đồng, dây hụi 2.000.000 đồng là 38.000.000 đồng, dây hụi 200.000 đồng là 10.000.000 đồng và số tiền lãi là 8.345.000 đồng.

*\* Đối với yêu cầu trên của nguyên đơn, tại biên bản hòa giải các ngày 17/5/2022, 04/8/2022 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà **Đỗ Thanh D** trình bày:*

Xác định và thừa nhận chỉ tham gia góp dây hụi 2.000.000 đồng và còn nợ đúng như chị NY trình bày trên.

Đối với dây hụi 5.000.000 đồng cũng có tham gia và còn thiếu như chị Ý trình bày trên, nhưng số tiền bà nhận được chỉ có 20.000.000 đồng, còn lại bà S trừ lại 30.000.000 đồng tiền vay và 70.000.000 tiền số đề bán số đề. Dây hụi này bà đã đóng được 15 lần hụi bằng 75.000.000 đồng.

Còn đối với dây hụi tuần 200.000 đồng bà không nợ đồng nào, do không có mượn bà S tham gia.

Biên nhận ngày 21/9/2020 (DL) là do bà tự viết và ký tên. Mục đích viết biên nhận này cho bà S là vì bà S kêu bà viết biên nhận để đối phó với chồng bà S, vì khi đó bà S nói chồng bà đòi ly hôn với bà.

Các giao dịch chỉ có bà và bà S tham gia với nhau, ngoài ra không có ai khác. Đối với số tiền hụi lĩnh được do bà nợ nhiều người và có nợ bà S nên khi lĩnh được đã trừ cần hết, không mang về sử dụng trong nhà đồng nào.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn, bà chỉ đồng ý trả tổng số tiền còn thiếu là 158.000.000 đồng, trong đó: Hụi 5.000.000 đồng là 20.000.000 đồng, hụi 2.000.000 đồng là 38.000.000 đồng, 30.000.000 đồng tiền vay, 70.000.000 đồng tiền số đề.

Yêu cầu bà Trần Thu S phải trả lại bà 75.000.000 đồng tiền hụi bà đã đóng 15 lần của dây hụi 5.000.000 đồng.

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lưu Minh K** có ý kiến: Ông hiện là chồng của Đỗ Thanh D.*

Việc tham gia góp hụi giữa vợ ông (bà D) với bà S như thế nào ông hoàn toàn không biết và cũng không nghe vợ ông nói lại việc này.

Mọi chi tiêu trong gia đình đều do ông là người trực tiếp chi, do vợ ông không có công việc ổn định nên không có thu nhập.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là ông không đồng ý, vì ông không có liên

quan, không biết việc tham gia góp hội giữa hai bên.

Do bản thân không liên quan gì trong vụ án nên xin được vắng mặt tất cả quá trình giải quyết vụ án.

**\* *Tại phiên tòa:***

- Chị Trần Thị Ngọc Ý là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Chỉ yêu cầu bà Đỗ Thanh D, ông Lưu Minh K phải trả cho nguyên đơn số tiền hội còn thiếu là 143.000.000 đồng (dây hội 5.000.000 đồng là 105.000.000 đồng; dây hội 2.000.000 đồng là 38.000.000 đồng). Xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Đỗ Thanh D, ông Lưu Minh K trả số tiền lãi 8.345.000 đồng và số tiền hội 10.000.000 đồng của dây 200.000 đồng, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết phần này, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Bà S không cho vay tiền cũng như không mua bán số đề với bà Đỗ Thanh D.

- Bị đơn bà Đỗ Thanh D có ý kiến: Thừa nhận có tham gia góp hội, đã hốt hội đối với dây hội 2.000.000 đồng và còn nợ đối với dây hội này là 38.000.000 đồng; dây hội 5.000.000 đồng thừa nhận chỉ nợ 126.000.000 đồng, nhưng trong số này bà S trừ 30.000.000 đồng tiền vay, 70.000.000 tiền bà mua số đề còn thiếu. Dây hội này bà đã góp được 75.000.000 đồng tiền hội nên yêu cầu khấu trừ vào số tiền 126.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 51.000.000 đồng.

Vì vậy, nay chỉ đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho bà S tổng cộng là 89.000.000 đồng, trong đó: Hội 2.000.000 đồng là 38.000.000 đồng; hội 5.000.000 đồng là 51.000.000 đồng. Số tiền lĩnh hội được từ bà S thì bà không sử dụng trong gia đình mà đã chi trả cho những khoản nợ cho bà S và những người khác. Mọi chi tiêu trong gia đình do ông K là người trực tiếp chi, bản thân bà không có nghề nghiệp nên không có thu nhập.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng chị Trần Thị NY là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Minh K trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn bà Đỗ Thanh D trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên tòa xét xử lần thứ nhất.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Đỗ Thanh D phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thu S số tiền hui còn thiếu là 143.000.000 đồng, trong đó: dây hui 2.000.000 đồng là 38.000.000 đồng và dây hui 5.000.000 đồng là 105.000.000 đồng; đề nghị đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thu S về việc buộc bị đơn bà Đỗ Thanh D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Minh K trả 8.345.000 đồng tiền lãi và số tiền hui của dây hui 200.000 đồng là 10.000.000 đồng, do tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Đỗ Thanh D không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Minh K không có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thu S về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Minh K cùng trả nợ với bị đơn bà Đỗ Thanh D.

Không xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thanh D, do bà D có đơn yêu cầu và được Tòa án ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, nhưng hết thời hạn mà bị đơn bà D không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án và Tòa án đã có Thông báo trả đơn (bà D đã nhận).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho các đương sự, nhưng bị đơn bà Đỗ Thanh D vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Minh K, nhưng ông K đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời những người có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Minh K theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thu S khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà Đỗ Thanh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Minh K phải trả cho bà số tiền hui còn thiếu và bị đơn bà Đỗ Thanh D có đơn yêu cầu phản tố, nhưng không đóng tạm ứng án phí theo quy định nên không được thụ lý yêu cầu phản tố. Do đó, quan hệ pháp

luật trong trường hợp này được xác định là *tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui* và bị đơn bà D có nơi cư trú tại khu phố VL 2, thị trấn VT, huyện Vĩnh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

*Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thu S:*

- *Đối với dây hui 2.000.000 đồng áp ngày 10/5/2019 âm lịch:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay, có đủ cơ sở để xác định được dây hui này bà D tham gia 01 phần và đã lĩnh hui, hiện bị đơn bà D còn nợ nguyên đơn bà S số tiền là 38.000.000 đồng. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

- *Đối với dây hui 5.000.000 đồng áp ngày 15/8/2019 âm lịch:* Theo nguyên đơn cho rằng bị đơn bà D tham gia 01 phần và đã lĩnh hui, hiện còn nợ lại 21 lần hui chết chưa góp bằng 105.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà D xác định không có tham gia dây hui này nhưng hai bên có tính toán số tiền hui bà được lĩnh hui là 126.000.000 đồng, nhưng bà S trừ lại 30.000.000 đồng tiền vay và 70.000.000 đồng tiền số đề bà còn nợ bà S trước đó, số còn lại nhận tiền mặt.

Tuy nhiên, lời trình bày của bị đơn bà D nêu trên không được nguyên đơn bà S thừa nhận và bà D cũng không chứng cứ gì để chứng minh cho lời nói của mình là có căn cứ để HĐXX xem xét. Hơn nữa, lời trình bày của bị đơn bà D nêu trên so với biên bản hòa giải ngày 17/5/2022, ngày 04/8/2022 từng lần đều mâu thuẫn với nhau về số tiền mặt bà được nhận đối với dây hui này (khi thì nhận được 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 26.000.0000 đồng). Bà cho rằng bà không tham gia dây hui này nhưng lại thừa nhận hai bên có tính toán số tiền bà được nhận của dây hui này. Đồng thời, khi Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai của bà ngày 08/4/2022 thì bà xác định và thừa nhận có tham gia góp dây hui 5.000.000 đồng áp ngày 15/8/2019 âm lịch và đã lĩnh hui, thừa nhận còn nợ đối với dây hui là 105.000.000 đồng đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kể cả những lần Tòa án tiến hành hòa giải bà đều thừa nhận có tham gia góp hui dây hui này và hiện còn thiếu số tiền hui đúng như nguyên đơn yêu cầu. Do đó, bị đơn bà D phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015. Vì vậy cần xác định số tiền bị đơn bà D còn nợ nguyên đơn bà S đối với dây hui này là 105.000.000 đồng.

- *Đối với dây hui 200.000 đồng áp ngày 01/4/2020 âm lịch và số tiền lãi 8.345.000 đồng:* Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định rút lại phần yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết, bị đơn bà Đỗ Thanh D không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ ông Lưu Minh K không có yêu cầu độc lập đối với nguyên đơn. Việc người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện này đối với bị đơn bà Đỗ Thanh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ ông Lưu Minh K là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Xét ý kiến trình bày của bị đơn bà Đỗ Thanh D:*

Bà đồng ý trả cho bà S số tiền còn thiếu của dây hui 2.000.000 đồng là 38.000.000 đồng.

Đối với dây hui 5.000.000 đồng yêu cầu khấu trừ số tiền bà đã góp 15 lần của dây hui 5.000.000 đồng bằng 75.000.000 đồng vào số tiền hiện bà còn nợ bà S đối với dây hui 5.000.000 đồng là 126.000.000 đồng, còn nợ lại 51.000.000 đồng.

Đối với ý kiến yêu cầu khấu trừ của bị đơn bà Đỗ Thanh D, Tòa án đã có Thông báo tạm ứng án phí số 357/TB-TA ngày 08/8/2022 và đã tổng đạt hợp lệ cho bà D nhận cùng ngày 08/8/2022 để Thông báo cho bà D nộp tạm ứng án phí và nộp biên lai thu tiền cho Tòa án, nhưng hết hạn theo thông báo mà bà D không thực hiện nên Tòa án có Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 35/2022/TB-TA ngày 16/8/2022 và đã tổng đạt hợp lệ cho bà D nhận ngày 16/8/2022, nhưng bà D vẫn không có ý kiến gì.

Vì vậy đối với yêu cầu này của bị đơn bà D không được HĐXX xem xét, giải quyết trong cùng vụ án này.

Từ những đánh giá, phân tích trên chỉ có cơ sở để xác định số tiền hui hiện bị đơn bà Đỗ Thanh D còn nợ đối với nguyên đơn bà Trần Thu S là 143.000.000 đồng, trong đó: Dây hui 2.000.000 đồng là 38.000.000 đồng, dây hui 5.000.000 đồng là 105.000.000 đồng.

Do đó, hiện nay bị đơn bà Đỗ Thanh D phải trả số tiền hui còn thiếu đối với nguyên đơn bà Trần Thu S là **143.000.000đ** (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng), vì đây là nghĩa vụ của thành viên góp hui đối với chủ hui theo quy định tại Điều

471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn bà Trần Thu S được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Theo nguyên đơn bà Trần Thu S xác định, các giao dịch về hụi chỉ bà với bà D trực tiếp thực hiện với nhau, ông K không tham gia. Bị đơn D cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K cũng thống nhất, số tiền bà D lĩnh hụi từ bà S thì bà D không mang về nhà sử dụng chung trong gia đình, không liên quan gì đối với ông K và ông K cũng không đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà D trong vụ án này. Vì vậy, trong vụ việc này chỉ bà D là người chịu trách nhiệm trả nợ cho bà S.

Xét đề nghị của đại diện viên kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị đơn bà Đỗ Thanh D phải chịu **7.150.000** đồng ( $143.000.000đ \times 5\%$ ) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 241 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườg; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:**

1. Buộc bị đơn bà Đỗ Thanh D phải phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thu S tổng cộng **143.000.000đ** (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng) tiền hui còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thu S, nếu bà Đỗ Thanh D không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà S thì hàng tháng bà D còn phải trả tiền lãi cho bà S theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.



3. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thu S buộc bà Đỗ Thanh D, ông Lưu Minh K phải trả số tiền lãi là 8.345.000 đồng và số tiền 10.000.000 đồng đối với dây hụi 200.000 đồng.

4. Về án phí:

- Bị đơn bà Đỗ Thanh D phải chịu **7.150.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Trần Thu S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thu S 4.039.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003560 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2022); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND TT VT;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Mỹ Linh**